

# Chính sách tài chính vĩ mô đối với việc nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp ở một số nước Châu Á - kinh nghiệm cho Việt Nam

ĐINH VĂN SƠN

*T*rên cơ sở nghiên cứu các chính sách vĩ mô của một số nước Châu Á đã thành công trong việc hỗ trợ doanh nghiệp cạnh tranh, bài viết rút ra một số kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo khi hoạch định và triển khai chính sách tài chính vĩ mô nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp giai đoạn hiện nay.

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, cùng với xu thế toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, đã và đang đòi hỏi chính phủ các nước cần phải nỗ lực hơn nữa trong việc triển khai đồng bộ các chính sách và giải pháp kinh tế - tài chính vĩ mô nhằm mục đích can thiệp, điều tiết một cách hiệu quả toàn bộ các hoạt động của nền kinh tế quốc dân. Các công cụ, chính sách và giải pháp tài chính vĩ mô được triển khai ở các nền kinh tế trong thời gian qua đã chứng tỏ được những vai trò không thể phủ định của nó.

Trong nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp - các tế bào của nền kinh tế mà sức sống, năng lực cạnh tranh của nó luôn chịu sự chi phối trực tiếp của các chính sách tài chính vĩ mô. Cùng với hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp Việt Nam đã và đang phải cạnh tranh với những đối thủ vượt trội so với mình về nhiều mặt như: vốn, công nghệ, trình độ, kinh nghiệm tổ chức và quản lý kinh doanh, uy tín trên thương trường quốc tế... Hơn bao giờ hết, thông qua các chính sách tài chính vĩ mô, Chính phủ sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam từng bước khắc phục khó khăn trong hội nhập, cải thiện và nâng cao sức cạnh tranh, khẳng định vị thế của mình trên thương trường quốc tế.

## 1. Các chính sách tài chính vĩ mô và tác động của nó đến sự phát triển và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ở một số nước

### • Chính sách thuế

Do tính chất tác động trực tiếp, thuế luôn

được các quốc gia coi trọng nhằm khuyến khích doanh nghiệp phát triển theo tiêu thức hiệu quả và công bằng nhất. Song do yêu cầu hội nhập, thập kỷ cuối của thế kỷ XX và nhất là những năm đầu của thế kỷ XXI được coi là thời kỳ năng động của cải cách thuế, với các cải cách cơ bản là: thay thế thuế doanh thu bằng thuế giá trị gia tăng (những năm 2000, số nước áp dụng thuế giá trị gia tăng là trên 150 nước thay vì 8 nước ở năm 1980); các nước đang phát triển vừa tăng cường ưu đãi đầu tư, vừa cắt giảm mạnh thuế nhập khẩu cho phù hợp các thỏa thuận quốc tế (các nước phát triển luôn duy trì mức thu từ thuế nhập khẩu bằng 1% GDP, các nước đang phát triển đã giảm tỷ lệ này từ 4,2% giai đoạn 1985 - 1988 xuống còn 2,5% giai đoạn 2006 - 2008).

Trước khi gia nhập WTO, Trung Quốc dựa vào mức thuế quan hợp lý để duy trì quan hệ giữa bảo hộ và cạnh tranh, hạn chế nhập khẩu các sản phẩm có thể sản xuất được ở trong nước thông qua biểu thuế cao, bảo hộ những ngành thuế đã có đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế (như sản xuất đồ chơi, quần áo...). Sau cải cách thuế năm 1994, từ 32 loại thuế xuống chỉ còn 18 loại, các thành phần kinh tế được đối xử như nhau về tất cả các loại thuế, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp và một vài sắc thuế địa phương. Giai đoạn 1992 - 1999, Trung Quốc đã 10 lần cắt giảm thuế quan đưa mức thuế trung bình từ 47,2% xuống 16,78%, đến nay chỉ còn khoảng 12,5%.

Các nước đều có những chính sách thuế ưu

Đinh Văn Sơn, PGS. TS., Trường Đại học Thương mại.

đầu tư và xuất khẩu để giúp doanh nghiệp nói chung và các Tổng công ty Nhà nước nói riêng tăng khả năng cạnh tranh, đặc biệt là cạnh tranh quốc tế. Xingapo đã miễn thuế thu nhập tới 90% tổng lợi nhuận thu được từ xuất khẩu cho doanh nghiệp có tỷ lệ sản phẩm để xuất khẩu đạt trên 75%. Ở Đài Loan, doanh nghiệp được hoàn trả toàn bộ tiền thuế đã nộp khi nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, giúp doanh nghiệp hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận để tái đầu tư cho việc mở rộng sản xuất kinh doanh và nâng cao sức cạnh tranh. Nhiều ưu đãi thuế khác cũng được áp dụng - như doanh nghiệp được nợ tới 30% thuế để đầu tư vào ngành công nghệ cao, nợ 5-20% thuế để mua máy móc thiết bị, nợ 20% thuế để chi cho công tác R&D, cho phép khấu hao nhanh để đổi mới máy móc thiết bị phù hợp với chiến lược đầu tư của doanh nghiệp. Malaixia cho phép doanh nghiệp công nghiệp khấu trừ mọi chi phí nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp thực hiện nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty ra khỏi thu nhập chịu thuế, khấu trừ mọi khoản đóng góp cho các viện nghiên cứu được Nhà nước thừa nhận. Các nước khấu trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thông qua hiệp định tránh đánh thuế hai lần để khuyến khích đầu tư ra nước ngoài.

### • Chính sách tín dụng

Các quốc gia đều rất coi trọng công cụ tín dụng - công cụ thỏa mãn nhu cầu vốn cho sự phát triển của hầu như tất cả hệ thống doanh nghiệp. Hàn Quốc là nước sử dụng khá thành công công cụ tín dụng để đưa doanh nghiệp đạt bước phát triển đột phá, tạo nên sự "thần kỳ bên bờ sông Hàn". Lãi suất ưu đãi là công cụ để Chính phủ hỗ trợ các ngành cần tăng khả năng cạnh tranh trong từng thời kỳ cụ thể. Mức chênh lệch giữa lãi suất thông thường và lãi suất cho vay ưu đãi thường từ 3 đến 4 lần, thậm chí đạt mức chênh lệch kỷ lục tới 4,3 lần ở những năm thập kỷ 70 của thế kỷ XX. Những năm gần đây, tuy mức chênh lệch có giảm, song vẫn ở mức trung bình là 1,5 lần. Những năm 1960, Hàn Quốc ưu tiên những ngành sử dụng nhiều lao động như dệt may

và tơ sợi, đến đầu những năm 1970 ưu tiên sản xuất sản phẩm chế tạo với công nghệ từ trung bình đến kỹ thuật cao - như ô tô, đồ gia dụng, điện tử,... Cho đến nay, những ngành có khả năng cạnh tranh cao của Hàn Quốc mà đại biểu là ngành công nghiệp đóng tàu xếp hạng 1, ngành sản xuất ô tô xếp hạng 7 trên thế giới. Những năm 1990 bắt đầu thời kỳ ưu tiên phát triển các ngành sử dụng công nghệ tinh vi và hiện đại, các ngành sản xuất ra các mặt hàng có hàm lượng chất xám cao như: máy tính, chip điện tử, màn hình điện tử..., những ngành này hiện có hiệu quả khá cao. Chính phủ lập kế hoạch cấp hàng tỷ won tín dụng trong thời gian dài cho các doanh nghiệp ngành công nghệ cao. Tuy nhiên, tín dụng ưu đãi đã làm tăng gánh nặng ngân sách và tạo ra sự ỷ lại, đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến Hàn Quốc gặp khủng hoảng khi nền kinh tế có biến động xấu.

Trung Quốc đã duy trì chính sách tiền tệ nổi lỏng trong thời gian dài, tốc độ tăng trưởng mức cung tiền khá cao. Năm 1990: 20,15%, năm 1995: 20,57%, năm 1997: 25,05%. Năm 1998, Trung Quốc đã 3 lần liên tiếp hạ lãi suất tiền cho vay từ mức 1,6% vào tháng 3-1998 xuống còn 0,27% vào tháng 12-1998. Ngân hàng Trung ương đã hạ thấp tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tăng cường hoạt động nghiệp vụ thị trường mở... kết hợp với việc Chính phủ tích cực khuyến khích tiêu dùng, kích cầu đầu tư đã mở rộng thị trường tiêu thụ cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, chính sách này cũng gây ra tình trạng lạm phát khá cao, năm 1993: 14,58%, năm 1994: 24,24%, năm 1995: 16,9%. Chính vì vậy, Chính phủ đã phải giảm bớt mức cung tiền để kiềm chế lạm phát. Trong những năm gần đây, lạm phát chỉ còn mức rất thấp so với các nền kinh tế đang phát triển khác.

Sau khủng hoảng tài chính khu vực, các nước ASEAN càng coi trọng công cụ tín dụng, đây là một biện pháp trực tiếp làm tăng khả năng cạnh tranh doanh nghiệp. Ngoài hỗ trợ tài chính để khai thác thị trường mới, Thái Lan hỗ trợ hàng tỷ bath cho gần 40 doanh nghiệp thực hiện xúc tiến thương mại. Năm 1999, Bộ Thương mại Thái Lan đã giải ngân

150 triệu USD cho Ngân hàng xuất nhập khẩu Thái Lan để hỗ trợ về lãi suất tiền vay cho các nhà xuất khẩu, với mức bù lãi suất 5% trong vòng 5 năm khi xuất khẩu sang các thị trường mới. Đồng thời Chính phủ thực hiện các chương trình hỗ trợ tín dụng xuất khẩu với quy mô lớn như: Chương trình bảo lãnh tín dụng xuất khẩu cho Thái Lan có giá trị hàng tỷ USD do Mỹ và Ngân hàng EX – IM của Nhật Bản cấp vốn; Chương trình tín dụng Syndicate của các ngân hàng Nhật Bản trị giá 500 triệu USD.... Để thị trường tiền tệ phát triển ổn định tạo điều kiện tăng khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp, các nước đều tích cực cải tổ hoạt động ngân hàng thông qua biện pháp như: sáp nhập hoặc đóng cửa các ngân hàng, các tổ chức tín dụng yếu kém; tái cấp vốn, cho phép ngân hàng phát hành chứng khoán để huy động vốn; kiểm tra, giám sát các khoản cho vay; hiện đại hóa công nghệ ngân hàng; cho phép ngân hàng nước ngoài mở rộng hoạt động để tăng cường cạnh tranh. Hầu hết các quốc gia đều thành lập cơ quan chuyên trách quản lý việc tái cơ cấu ngân hàng hoặc xử lý các khoản nợ xấu. Thái Lan đã thành lập cơ quan tái cơ cấu tài chính quốc gia. Trung Quốc thành lập 4 công ty quản lý tài sản theo mô hình quỹ tín thác để cơ cấu lại nợ và xử lý các khoản nợ quá hạn...

### • Chính sách tỷ giá hối đoái

Trong nền kinh tế thị trường, tỷ giá hối đoái luôn là công cụ được chính phủ coi trọng nhằm bảo vệ và phát triển sản xuất trong nước, đặc biệt là các nước Châu Á với chiến lược thúc đẩy xuất khẩu.

Hàn Quốc định giá đồng tiền trong nước khá thấp nhằm khuyến khích xuất khẩu hàng hóa cho doanh nghiệp. Đầu năm 1960, đồng won phá giá lần thứ nhất với mức 100%, từ 62,5 won/1USD còn 127,5 won/1USD, năm 1970 là 480 won/1USD. Kết quả là cứ 1 USD dành cho thay thế nhập khẩu thì doanh nghiệp thu được 247 won/1USD, song nếu sản xuất để xuất khẩu thì doanh nghiệp thu được 281 won/1USD.

Chính sách điều hành tỷ giá của Trung Quốc cũng là kinh nghiệm đáng quan tâm, vì Trung Quốc là nước có nền kinh tế đang trong

quá trình chuyển đổi có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam. Đồng nhân dân tệ được phá giá tới 7 lần giai đoạn 1981 – 1990, đã giúp Trung Quốc đẩy mạnh xuất khẩu, giảm thâm hụt cán cân thương mại, cán cân thanh toán, tăng dự trữ ngoại tệ quốc gia. Đến đầu năm 1994, khi mức tỷ giá được duy trì cố định, trong khi lạm phát gia tăng đã gây tác động xấu tới mục tiêu tăng trưởng và thúc đẩy mở cửa kinh tế. Trung Quốc đã tuyên bố mức phá giá kỷ lục trên 40%, từ 5,8 CNY/USD xuống còn 8,7 CNY/USD, đồng thời xóa bỏ chế độ đa tỷ giá và thực thi chế độ tỷ giá thả nổi có sự quản lý của Nhà nước. Trung Quốc siết chặt hơn việc kiểm soát thị trường ngoại hối, thực hiện chế độ ngân hàng kết hối, xây dựng thị trường giao dịch ngoại tệ liên ngân hàng, quản lý chặt chẽ hoạt động ngoại hối ở các ngân hàng thương mại, bằng cách quy định ngân hàng thương mại nào được phép chuyển đổi và số lượng chuyển đổi tương ứng cho từng ngân hàng. Việc sử dụng kết hợp đồng thời các chính sách đã có tác động tích cực khuyến khích kinh tế tăng trưởng, dự trữ ngoại tệ cao và thặng dư cán cân thanh toán - là những điều kiện cần thiết để không chỉ duy trì ổn định đồng nhân dân tệ, mà còn làm đồng nhân dân tệ tăng giá danh nghĩa nếu nó được thả nổi. Điều này đồng nghĩa với việc đồng nhân dân tệ được định giá thấp so với các ngoại tệ mạnh khiến cho hàng hóa, dịch vụ của Trung Quốc có sức cạnh tranh mạnh hơn trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, đồng nhân dân tệ đang phải chịu sức ép giảm giá mạnh do nhiều nguyên nhân như: hệ thống tài chính tiền tệ của Trung Quốc phát triển chưa tương xứng với sự phát triển của nền kinh tế, tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước – nơi chiếm 90% thị phần thị trường tín dụng lên tới gần 30%, dòng vốn không chính thức chảy ra bên ngoài mỗi năm bình quân hàng tỷ USD, nhất là sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, nhập khẩu tăng cao đã làm tăng thâm hụt cán cân thương mại. Việc duy trì chế độ tỷ giá cố định quá lâu khiến cho đồng nhân dân tệ lên giá thực tế so với đôla Mỹ có thể tác động xấu tới khả năng cạnh tranh quốc tế của Trung Quốc và gây mất ổn

định kinh tế vĩ mô. Đây là nguy cơ tiềm ẩn không chỉ đối với Trung Quốc mà cả đối với các nước khác - vì sự ổn định của đồng nhân dân tệ là yếu tố quan trọng góp phần ổn định kinh tế thế giới nói chung, đặc biệt là các nước ASEAN nói riêng.

### • Chính sách đầu tư

Để tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, chính phủ các nước đều khuyến khích doanh nghiệp tăng cường đầu tư như: đầu tư thành lập doanh nghiệp mới, đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư công nghệ mới, đầu tư vào những ngành có giá trị gia tăng và hàm lượng chất xám cao...

Thực tế cho thấy không thể đạt được thành tựu phát triển kinh tế mà không tăng đầu tư từ nội lực, trong đó nòng cốt là việc khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Chương trình tư nhân hóa ở các nước như Trung Quốc, Phillipin, Thái Lan, Malaixia... đã làm khu vực tư nhân phát triển mạnh, cải thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích cạnh tranh. Kể từ năm 1980 đến nay, tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân Trung Quốc đạt khoảng 70%, hiện nhiều doanh nghiệp tư nhân Trung Quốc đã trở thành các tập đoàn kinh tế lớn. Hàn Quốc giảm thuế cho việc đầu tư tư nhân vào các thiết bị nghiên cứu, các khoản đầu tư ban đầu thường được giảm khoảng 20% trong những năm gần đây; số lượng các viện nghiên cứu tư nhân tăng lên nhanh chóng, đã hỗ trợ việc nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp.

Đầu tư của chính phủ các nước đều nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đóng vai trò dẫn dắt nền kinh tế hướng vào các ngành phát huy được lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh của đất nước, phù hợp với xu thế thay đổi của thị trường hoặc đầu tư nhằm hoàn thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp. Nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế mở của Trung Quốc đã thực sự trở thành khu vực thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế. Tuy nhiên, mô hình này lại không mấy thành công ở Phillipin, do nhiều khu chế xuất chỉ đạt dưới 50% công suất thiết kế. Trong những năm gần đây, nếu như Trung Quốc đã rất thành công trong việc đầu tư để thành lập

các “Vườn ươm công nghệ”, thì Chính phủ Hàn Quốc lại thành công trong đầu tư xây dựng các khu công nghệ liên hợp và các “Thành phố khoa học” tại những vùng công nghệ trọng điểm trên toàn quốc, thiết lập các vành đai công nghệ. Một thập kỷ gần đây, ngân sách dành cho R&D của Hàn Quốc tăng bình quân khoảng 15% đến 20%/năm, góp phần đưa tỷ lệ chi cho R&D trong GDP từ 0,64% năm 1981 lên 2,02% năm 1991 và 5% trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Các chính phủ chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp. Ngân sách dành cho giáo dục của Xingapo rất cao và tăng liên tục từ 22,9% năm 1992 lên 25,3% năm 2005; cùng kỳ, tỷ lệ này ở Hàn Quốc là 15,8% và 19,6%. Kế hoạch 5 năm lần thứ VII (1996 – 2000), Malaixia đã tăng 50% chi phí cho giáo dục đại học so với mức chi 2,6 tỷ righgit của kế hoạch 5 năm lần thứ VI (1991 – 1995).

### 2. Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ nghiên cứu việc sử dụng các chính sách tài chính vĩ mô nhằm nâng cao vai trò và tăng khả năng cạnh tranh doanh nghiệp của một số nước, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau cho Việt Nam:

**Một là**, trong tiến trình hội nhập, tuy phải thực hiện cam kết cắt giảm dần thuế nhập khẩu, song các nước đều duy trì ưu đãi hợp lý cho các ngành có khả năng cạnh tranh. Cắt giảm thuế suất là điều không thể tránh khỏi, song để bảo hộ một số ngành còn non trẻ, ngành có khả năng cạnh tranh, các nước đều có thể tăng thuế suất thuế nhập khẩu hoặc duy trì thuế nhập khẩu cao của một số loại hàng hóa nào đó mà không trái với quy định của các cam kết quốc tế. Nếu hàng nhập khẩu có mục đích bán phá giá gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa, chính phủ chuyển đổi từ đánh thuế theo giá trị sang đánh theo số lượng, hoặc áp dụng thuế kết hợp thuế quan hoặc quota.

**Hai là**, chính sách thuế của các quốc gia rất quan tâm đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, hệ thống thuế các nước đều cải cách theo hướng giảm thuế trực thu đối với doanh nghiệp, giảm thuế cho các hoạt động đầu tư đổi

mới, đầu tư cho khoa học, công nghệ, cho phép thực hiện khấu hao nhanh, giảm thuế cho các ngành cung cấp nguyên liệu đầu vào...

**Ba là,** đối với hoạt động xuất khẩu, chính phủ các nước đều khuyến khích xuất khẩu bằng việc sử dụng kết hợp các công cụ tài chính, áp dụng nhiều biện pháp để khuyến khích xuất khẩu như thực hiện việc miễn giảm thuế, duy trì việc định giá thấp đồng nội tệ, có chế độ thưởng cho các doanh nghiệp đạt tỷ lệ xuất khẩu cao, kết hợp với việc hạn chế xuất khẩu nguyên vật liệu thô chưa qua chế biến...

**Bốn là,** đảm bảo doanh nghiệp tiếp cận được tối đa nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng. Chính phủ các nước luôn chú trọng phát triển thị trường tiền tệ, tăng cung tiền một cách hợp lý để kiềm chế tăng lãi suất và kiểm soát lạm phát, xây dựng quỹ bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng chất xám cao, tăng cường xúc tiến thương mại ở cấp Nhà nước, tái cấu trúc và cải cách hệ thống ngân hàng để có thể phục vụ tốt nhất cho nhu cầu của các doanh nghiệp. Các nước đều duy trì việc cho vay ưu đãi với một số ngành then chốt hoặc có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế. Quá trình tự do hóa lãi suất được tiến hành thận trọng, đảm bảo sự kiểm soát và điều chỉnh hợp lý của chính phủ, phù hợp với chiến lược phát triển và ổn định thị trường tiền tệ.

**Năm là,** chế độ tỷ giá ngày càng được thả lỏng và điều chỉnh linh hoạt cho phù hợp với quan hệ cung cầu ngoại tệ. Mặc dù nhiều nước cố gắng duy trì việc định giá thấp đồng nội tệ để khuyến khích xuất khẩu, song cùng với tiến trình tự do hóa kinh tế là sức ép tự do hóa lãi suất và điều chỉnh linh hoạt tỷ giá theo nhu cầu thị trường, tỷ giá được điều chỉnh linh hoạt sẽ giúp doanh nghiệp chủ động trong sản xuất kinh doanh, phòng tránh rủi ro.

**Sáu là,** khuyến khích phát triển khu vực tư nhân tạo sức ép cạnh tranh đối với các DNNN nói chung và các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước nói riêng. Tạo môi trường cạnh tranh, khuyến khích các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước phải năng động, linh hoạt và phát huy được thế mạnh, vai trò chủ đạo của mình ngay trên thị trường nội địa.

**Bảy là,** Nhà nước cần hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và chú trọng đầu tư vào con người. Trong quá trình phát triển, các nước đều tăng hoặc duy trì mức đầu tư cao cho xây dựng cơ sở hạ tầng, vì đây là điều kiện cơ bản giảm chi phí cho doanh nghiệp. Ngoài ra, các nước chú trọng phát triển giáo dục – nhân tố tạo nên nền tảng vững vàng và lâu bền cho sự phát triển của các doanh nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế quốc dân nói chung, vì suy cho cùng mọi tiến bộ xã hội, trong đó có sự phát triển của doanh nghiệp, đều quyết định bởi yếu tố con người. Chú trọng và quan tâm tới sự nghiệp giáo dục trước hết là đầu tư của ngân sách nhà nước, kết hợp đồng thời với chiến lược cải cách hệ thống giáo dục quốc gia.

Quá trình toàn cầu hóa, ngoài việc mở ra cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp cũng mang đến nhiều nguy cơ đe dọa vị thế, sự sống còn của doanh nghiệp. Để nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, bên cạnh sự nỗ lực của chính bản thân mỗi doanh nghiệp, rất cần sự trợ giúp đắc lực của chính phủ. Thực tế thành công của một số các quốc gia về phát triển kinh tế, sự lớn mạnh và không ngừng nâng cao vị thế các doanh nghiệp của các nước trên thị trường quốc tế đã chứng tỏ vai trò không thể phủ nhận của chính sách tài chính vĩ mô.

Việc áp dụng các chính sách tài chính vĩ mô ở các nước khác nhau với những điều kiện và trình độ phát triển khác nhau sẽ không có một khuôn mẫu chung. Trên cơ sở nghiên cứu việc sử dụng các chính sách tài chính vĩ mô của một số nước tiêu biểu ở khu vực Châu Á, có thành công lớn trong công cuộc cải cách và phát triển nền kinh tế, bài viết rút ra một số bài học kinh nghiệm với hy vọng có thể xem xét, vận dụng một cách hợp lý, có chọn lọc và phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam, từ đó góp phần quan trọng trong việc tăng cường, tối đa khả năng cạnh tranh của cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hiện nay./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán các số 2, 3, 4, 7/2008
- Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ các số 3, 5, 6/2009
- Framework Agreement on Comprehensive Economic
- www.china-asean.net (Khu mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc).